TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST Ngày 24-11-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quảng Thanh Tú

Ông Thạch Khmau

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2023/TLST-HNGTĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Hoài T, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ tạm trú: Số F, tổ A khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Châu Tiến S, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: 10100 M, M, P (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 4 năm 2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Hoài T trình bày: Ngày 19/7/2018, chị và anh Châu Tiến S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn, chị và S sống chung với nhau tại ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Đến khoảng năm 2021, chị sinh con và từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc và cách nuôi dạy con; đồng thời, anh S thường xuyên đi công tác xa nhà, không có thời gian chăm sóc vợ, con. Đến ngày 01/06/2022, chị dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở huyện V, tỉnh Vĩnh Long và vợ chồng ly thân cho đến nay. Do quan hệ hôn nhân

giữa chị và anh S không còn hạnh phúc, không hàn gắn được mâu thuẫn, nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Có 01 người tên Châu Huỳnh Bảo N, sinh ngày 06/4/2018. Hiện nay đang sống chung với anh S, nên chị đồng ý giao cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn anh Châu Tiến S trình bày: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị T về điều kiện kết hôn và thời gian sống chung với nhau. Nay, anh xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được và anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Có một người con chung tên Châu Huỳnh Bảo N, sinh ngày 06/4/2018. Anh đồng ý nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy chị T và anh S kết hôn với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, chị T và anh S sống chung với nhau được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nay, hai người đều đồng ý ly hôn, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T ly hôn với anh S. Về con chung, giao cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Châu Huỳnh Bảo N, sinh ngày 06/4/2018. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có tranh chấp, nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Huỳnh Hoài T và bị đơn anh Châu Tiến S đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt (BL 34, 79). Do đó, căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh S.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh S kết hôn với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, đúng quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, sau một thời gian sống chung hạnh phúc thì xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nay, cả chị T và anh S đều xác định mục đích

của hôn nhân không đạt được và đều đồng ý ly hôn với nhau. Do vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T ly hôn với anh S.

[3] Về con chung: Cả chị T và anh S đều khai, có một người con chung tên Châu Huỳnh Bảo N, sinh ngày 06/4/2018. Chị T và anh S thỏa thuận giao cho anh S được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Chị T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện giữa chị T và anh S, sự tự nguyện này phù hợp với pháp luật và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của con nên được Tòa án chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Không có tranh chấp, nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có tranh chấp, nên Tòa án không giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T ly hôn với anh S. Về con chung, giao cho anh S được trực tiếp nuôi, chị T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, không có tranh chấp nên không xem xét, giải quyết, là có căn cứ.

[7] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định *"Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Do đó, buộc chị Huỳnh Hoài T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Huỳnh Hoài T đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0015271, ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 và khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Huỳnh Hoài T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Hoài T ly hôn với anh Châu Tiến S.

2. Về con chung: Giao cho anh Châu Tiến S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Châu Huỳnh Bảo N, sinh ngày 06/4/2018. Chị Huỳnh Hoài T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Huỳnh Hoài T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh Châu Tiến S cùng thành viên gia đình không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có tranh chấp, nên Tòa án không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có tranh chấp, nên Tòa án không giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Huỳnh Hoài T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Huỳnh Hoài T đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0015271, ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, để đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã Trung Ngãi, huyện V, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Ngô Đê